

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2017

V/v Ly hôn giữa chị N và anh S

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm

2. Bà Lê Thanh Huyền

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 07-7-2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 08-5-2017 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19-6-2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1985. Có mặt.

Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương

Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Đức S, sinh năm 1986. Có mặt

Hộ khẩu thường trú và trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương

3. *Người làm chứng:*

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Trú tại: thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bà Bùi Thị H, sinh năm 1953. Có mặt.

Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-5-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Đỗ Thị N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức S tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn vào ngày 13-9-2010 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2010. Sau ngày cưới, vợ chồng chị ăn chung cùng bố mẹ chồng được hai tháng thì bố mẹ chồng ra ở chỗ khác. Vợ chồng sống hạnh phúc được một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, anh S làm chủ gia đình nhưng không chịu khó lao động, một mình chị phải đi làm lo kinh tế, nuôi con. Khi chị đi làm về muộn thì anh S lại gây sự, chửi bới, đánh đập. Anh S còn nghi ngờ, ghen tuông, nói rằng hai đứa con chưa chắc đã phải của anh S. Chị đã nhờ bố mẹ chồng khuyên bảo anh S nhưng mẹ chồng lại hay bênh anh S. Vợ chồng chị ly thân từ tháng 3 năm 2017, có mấy lần anh S đến tìm chị về nhưng lại có thái độ chửi bới, xúc phạm chị. Chị nhận thấy không còn tình cảm với anh S, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

- Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 01-9-2011 và cháu Bùi Đức H, sinh ngày 14-6-2013. Chị xin nuôi cháu Q còn để anh S nuôi cháu H, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết, bị đơn Bùi Đức S trình bày:

- Về hôn nhân: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, việc đăng ký kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau. Chị N hay đi làm về muộn, anh hỏi chuyện thì chị N nói phải tăng ca, trong khi anh tìm hiểu thì biết không phải tăng ca. Anh cũng không biết vì lý do gì mà chị N bỏ về nhà mẹ đẻ, anh đến đón thì chị N không về. Anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con nhưng do chị N vẫn kiên quyết ly hôn, anh xác định mâu thuẫn đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn.

Sau đó, do chị N thay đổi quan điểm, không đồng ý cho anh nuôi hai con chung nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có con chung như chị N trình bày. Anh xin nuôi hai con chung và không yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H, đại diện địa phương cung cấp: Chị N làm đơn xin ly hôn anh S không qua hòa giải cơ sở nên địa phương không nắm bắt được mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn.

Bà Nguyễn Thị A là mẹ đẻ chị N cung cấp: Trong quá trình anh S, chị N chung sống, chị N có kể với bà là anh S hay ghen tuông, gây sự, chửi bới, đánh đập chị. Chị N đã về nhà bà ở từ tháng 3 năm 2017. Anh S cùng gia đình xuống đón chị N về nhưng anh S vẫn có thái độ không tôn trọng chị N. Bà có khuyên bảo thì chị N nói không thể tiếp tục chung sống với anh S nên không về gia đình chồng. Nay chị N xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bà Bùi Thị H là mẹ đẻ anh S cung cấp: Sau khi kết hôn, anh S và chị N ở chung cùng vợ chồng bà đến năm 2013 thì ở riêng. Vợ chồng bà không quan tâm đến kinh tế riêng của anh chị mà vẫn chăm lo con cái cho anh chị đi làm. Đến ngày 10-02-2017 (âm lịch), chị N tự ý bỏ nhà đi, sau đó gọi điện thông báo là cho con về nhà ngoại, vợ chồng không sống được với nhau. Gia đình bà cùng anh S đến đón nhưng chị N không về. Nay chị N xin ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị N vẫn kiên quyết ly hôn thì đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật, hai con chung phải giao cho anh S nuôi dưỡng.

Tại phiên toà:

Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh S, xin nuôi cháu Q, để anh S nuôi cháu H, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Anh S đồng ý ly hôn với điều kiện là chị N để cho anh nuôi hai con chung, nếu chị N không nhất trí thì anh không ly hôn. Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn thì anh xin nuôi hai con chung, không yêu cầu chị N đóng góp tiền nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Bùi Đức S. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Thị Như Q, sinh ngày 01-9-2011 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Đức H, sinh ngày 14-6-2013 cho anh Bùi Đức S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị N và anh S không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau; có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người làm chứng là bà A vắng mặt nhưng đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên căn cứ khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà A.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh S kết hôn năm 2010 có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị N và anh S đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, bất đồng trong cách sống. Chị N cho rằng anh S không chịu khó làm ăn, kinh tế trong gia đình đều do chị lo. Còn anh S trình bày không đánh đập, chửi bới mà chỉ to tiếng với vợ. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng không có kết quả. Hai anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn đã trầm trọng, anh S đồng ý ly hôn với điều kiện chị N phải để cho anh nuôi hai con chung, điều đó chứng tỏ hai bên không còn tình cảm thương yêu vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần cho chị N ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Bùi Thị Như Q, sinh ngày 01-9-2011 và cháu Bùi Đức H, sinh ngày 14-6-2013. Hiện nay, cháu Q đang ở với anh S còn cháu H ở với chị N. Chị N xin nuôi cháu Q, anh S xin nuôi cả hai con, đều không yêu cầu bên kia đóng góp tiền nuôi con. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: chị N và anh S đều là lao động tự do, có công

việc, thu nhập tương đối ổn định nên cùng có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần giao cho mỗi người nuôi một con để đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Cháu Q là con gái nên giao cho chị N nuôi dưỡng; anh S ở cùng với bố mẹ đẻ, được sự hỗ trợ từ ông bà trong việc trông nom, chăm sóc con nên giao cháu H cho anh S nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N và anh S không yêu cầu đóng góp tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: chị N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đỗ Thị N và anh Bùi Đức S.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Bùi Thị Như Q, sinh ngày 01-9-2011 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bùi Đức H, sinh ngày 14-6-2013 cho anh Bùi Đức S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 7 năm 2017 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị N và anh S không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau; có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu số AB/2014/0000843 ngày 04-5-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh